

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU - TKV

Số: **2674** /NĐĐT-KHVT

V/v báo giá cung cấp cây và dịch vụ trồng cây
năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày **27** tháng 8 năm 2026

Kính gửi: Quý công ty và các nhà cung cấp

Trước tiên, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý Công ty trong thời gian qua.

Hiện nay, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đang có nhu cầu lập dự toán **Gói cung cấp: Cung cấp cây và dịch vụ trồng cây năm 2026**. Để có cơ sở lập dự toán tuân thủ các quy định hiện hành, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đề nghị Quý Công ty báo giá dịch vụ theo Phụ lục đính kèm.

- Địa điểm thực hiện: Nhà máy nhiệt điện Mạo Khê (Địa chỉ: Khu Đông Sơn, phường Bình Khê, tỉnh Quảng Ninh).

- Hiệu lực của báo giá: 60 ngày kể từ ngày báo giá.

- Báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của nhà thầu kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

Báo giá của Quý Công ty xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Địa chỉ gửi báo giá: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Đông Sơn, phường Bình Khê, tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266.323; Fax: 0203.6266.324; E-mail: dongtrieu.dtk@gmail.com).

(Mọi thông tin trao đổi xin liên hệ: Ông Đỗ Minh Hoàng - Nhân viên phòng KHĐT-VT; Số điện thoại: 0987 936 896.

- Thời gian báo giá: chậm nhất ngày 04/9/2026.

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi sớm từ Quý Công ty.

Trân trọng./ 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (e-copy để b/c);
- Lưu: TCHC, KHVT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC




Vũ Văn Mão

PHỤ LỤC: KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BẢO GIÁ CUNG CẤP DỊCH VỤ

(Kèm theo Văn bản số **2674** /NĐĐT-KHVT ngày **27** /8/2026 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)*(5)	(7)
I	Trồng cây					
1	Phi lao (50m×20m) khu vực đầu kho than đối diện trạm đầu DO					
1.1	Đào hố trồng cây 300x300x300 mm (dài×rộng×sâu)	Hố	250			Gồm cả đất màu trộn trấu hoặc sơ dừa kèm theo
1.2	Cây phi lao giống cao $\geq 2,0$ m; D gốc 1,5- 2,0 cm; bầu $\geq 13 \times 18$ cm; cây khỏe mạnh, không sâu bệnh	Cây	250			Mật độ trồng 2m/cây
2	Phi lao dọc tường rào nhà máy đối diện phía kho than					
2.1	Đào hố trồng cây 300x300x300 mm (dài×rộng×sâu)	Hố	225			Gồm cả đất màu trộn trấu hoặc sơ dừa kèm theo
2.2	Cây phi lao giống cao $\geq 2,0$ m; D gốc 1,5- 2,0 cm; bầu $\geq 13 \times 18$ cm; cây khỏe mạnh, không sâu bệnh	Cây	225			Mật độ trồng 2m/cây
3	Phi lao chiều dài 90m sát tường rào					

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)*(5)	(7)
	phía sân kho vật tư cũ thu hồi					
3.1	Đào hố trồng cây 300x300x300 mm (dài×rộng×sâu)	Hố	120			Gồm cả đất màu trộn trấu hoặc sơ dừa kèm theo
3.2	Cây phi lao giống cao $\geq 2,0$ m; D gốc 1,5- 2,0 cm; bầu $\geq 13 \times 18$ cm; cây khỏe mạnh, không sâu bệnh	Cây	120			Mật độ trồng 2m/cây
4	Mai Yên tử (55mx13m) khu vực phía sau 03 bể trước xử lý và 01 bể sau xử lý trạm NTCN					
4.1	Đào hố trồng cây 1000x1000x1000 mm (dài×rộng×sâu)	Hố	72			Gồm cả đất màu trộn trấu hoặc sơ dừa kèm theo
4.2	Cây mai vàng Yên Tử giống, chiều cao $\geq 1,5$ m; đường kính gốc 3-5cm (đo cách mặt bầu 10 cm); bầu cây $\geq 25 \times 25$ cm, nguyên vẹn; cây sinh trưởng khỏe, thân thẳng, tán cân đối, không sâu bệnh, không dập gãy, đúng chủng loại.	Cây	72			Mật độ trồng 3m/cây
5	Khu vực (55mx23m) sau 03 bể trước xử lý và 01 bể sau xử lý trạm					

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)*(5)	(7)
	NTCN phía giáp tường rào nhà máy					
5.1	Đào hố trồng cây 1000x1000x1000 mm (dài×rộng×sâu)	Hố	11			Gồm cả đất màu trộn trấu hoặc sơ dừa kèm theo
5.2	Cây Phong Linh giống, chiều cao $\geq 3,0$ m; đường kính gốc 6-8 cm; đường kính bầu ≥ 40 cm, chiều cao bầu ≥ 40 cm; cây thân thẳng, tán cân đối, sinh trưởng khỏe, không sâu bệnh, không dập gãy, bầu cây nguyên vẹn.	Cây	11			
5.3	Đào hố trồng cây 1000x1000x1000 mm (dài×rộng×sâu)	Hố	11			Gồm cả đất màu trộn trấu hoặc sơ dừa kèm theo
5.4	Cây Lim Xẹt giống, chiều cao $\geq 3,0$ m; đường kính gốc 8-10 cm; đường kính bầu ≥ 50 cm, chiều cao bầu ≥ 50 cm; cây thân thẳng, tán cân đối, sinh trưởng khỏe, không sâu bệnh, không dập gãy, bầu cây nguyên vẹn.	Cây	11			
5.5	Đào hố trồng cây 1000x1000x1000 mm (dài×rộng×sâu)	Hố	11			Gồm cả đất màu trộn trấu hoặc sơ dừa kèm theo

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)*(5)	(7)
5.6	Cây Ban Tím giống, chiều cao $\geq 3,0$ m; đường kính gốc 8-10 cm; đường kính bầu ≥ 40 cm, chiều cao bầu ≥ 40 cm; cây thân thẳng, tán cân đối, sinh trưởng khỏe, không sâu bệnh, không dập gãy, bầu cây nguyên vẹn.	Cây	11			
6	Khu vực trung tâm cột cờ phía trước nhà hành chính					
6.1	Đào hố trồng cây 500x500x500 mm (dài×rộng×sâu)	Hố	6			Gồm cả đất màu trộn trấu hoặc sơ dừa kèm theo
6.2	Cây Vạn Tuế trồng đất, chiều cao thoát thân từ 1-1,2m, đường kính thân/gốc ≥ 20 cm; đường kính tán $\geq 0,8$ m; có $\geq 15-20$ lá khỏe; đường kính bầu ≥ 40 cm, chiều cao bầu ≥ 40 cm; cây sinh trưởng khỏe, thân chắc, tán lá xòe đều, lá xanh đậm, không sâu bệnh, không dập gãy, bầu cây nguyên vẹn.	Cây	6			Trồng thay 06 cây hỏng
7	Khu vực phía trước khuôn viên nhà hành chính, mặt trước kho vật tư					

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)*(5)	(7)
7.1	Đào hố trồng cây 1000x1000x1000 mm (dài×rộng×sâu)	Hố	01			Gồm cả đất màu trộn trấu hoặc sơ dừa kèm theo
7.2	Cây Vàng Anh giống trồng đất, chiều cao $\geq 3,0$ m; đường kính gốc 15-17 cm; đường kính tán $\geq 1,5$ m; đường kính bầu ≥ 50 cm, chiều cao bầu ≥ 50 cm; cây thân thẳng, tán cân đối, sinh trưởng khỏe, lá xanh tốt, không sâu bệnh, không dập gãy, bầu cây nguyên vẹn	Cây	01			Bổ sung 01 cây thay cây Vú sữa; Cây Vú sữa chuyển về trồng khu vực phân xưởng vận hành
8	Khu vực Trạm đá vôi (phía trước trạm trực và phía sau kho đá vôi)					
8.1	Đào hố trồng cây 300x300x300 mm (dài×rộng×sâu)	Hố	22			Gồm cả đất màu trộn trấu hoặc sơ dừa kèm theo
8.2	Cây Sứ quân tử giống trồng leo thân cây; chiều dài dây leo $\geq 1,5$ m; đường kính gốc $\geq 0,8$ cm; có $\geq 3-5$ dây/cành khỏe, trong đó có dây chính phát triển tốt; bầu cây $\geq 20 \times 20$ cm; cây sinh trưởng khỏe, lá xanh tốt, không sâu	Cây	22			

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)*(5)	(7)
	bệnh, không dập gãy, bộ rễ phát triển tốt, bầu cây nguyên vẹn.					
9	Khu vực (32mx25m) khuôn viên phía trước tháp T1 chuyển tiếp than					
9.1	Đào hố trồng cây 1000x1000x1000 mm (dài×rộng×sâu)	Hố	5			Gồm cả đất màu trộn trấu hoặc sơ dừa kèm theo
9.2	Cây Lộc Vừng giống trồng đất, chiều cao $\geq 3,0$ m; đường kính gốc 8-10 cm; đường kính tán $\geq 1,5$ m; đường kính bầu ≥ 50 cm, chiều cao bầu ≥ 50 cm; cây thân thẳng, tán cân đối, sinh trưởng khỏe, lá xanh tốt, không sâu bệnh, không dập gãy, bầu cây nguyên vẹn.	Cây	5			
9.3	Đào hố trồng cây 1000x1000x1000 mm (dài×rộng×sâu)	Hố	1			Gồm cả đất màu trộn trấu hoặc sơ dừa kèm theo
9.4	Cây Bàng Đài Loan giống, chiều cao $\geq 3,5$ m; đường kính gốc 8-10 cm; đường kính tán $\geq 1,2$ m; đường kính bầu ≥ 40 cm, chiều cao bầu ≥ 40 cm;	Cây	1			

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)*(5)	(7)
	cây thân thẳng, có ngọn chính, tán phân tầng cân đối, sinh trưởng khỏe, lá xanh tốt, không sâu bệnh, không dập gãy, bầu cây nguyên vẹn.					
10	Dậu Râm bụt (26mx19m) 70m=140 khu vực trạm Hydro đối diện trạm biến áp T2					
10.1	Đào hố trồng cây 500x500x500 mm (dài×rộng×sâu)	Hố	140			Gồm cả đất màu trộn trấu hoặc sơ dừa kèm theo
10.2	Cây Râm bụt giống trồng hàng rào; chiều cao ≥ 50 cm; đường kính tán $\geq 25-30$ cm; có $\geq 4-5$ cành/nhánh khỏe; bầu cây $\geq 15 \times 15$ cm; cây sinh trưởng khỏe, nhiều nhánh, lá xanh tốt, không sâu bệnh, không dập gãy, bầu cây nguyên vẹn.	Cây	140			0,5 m/cây
11	Dậu Râm bụt (36mx8m) khu vực trạm Hydro (bổ sung đậu dâm bụt quanh đường 54m=110cây đối diện đường vào gian máy 2					
11.1	Đào hố trồng cây 500x500x500 mm	Hố	110			Gồm cả đất màu

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)*(5)	(7)
	(dài×rộng×sâu)					trộn trấu hoặc sơ dừa kèm theo
11.2	Cây Râm bụi giống trồng hàng rào; chiều cao ≥ 50 cm; đường kính tán $\geq 25-30$ cm; có $\geq 4-5$ cành/nhánh khỏe; bầu cây $\geq 15 \times 15$ cm; cây sinh trưởng khỏe, nhiều nhánh, lá xanh tốt, không sâu bệnh, không dập gãy, bầu cây nguyên vẹn.	Cây	110			
12	Trồng Hoa giấy xen Hoa sữa khu vực quạt khối tổ máy số 01					
12.1	Đào hố trồng cây 500x500x500 mm (dài×rộng×sâu)	Hố	10			Gồm cả đất màu trộn trấu hoặc sơ dừa kèm theo
12.2	Cây Hoa giấy giống trồng tạo bụi cảnh quan, phối 05 màu; số lượng 10 cây (02 bụi, mỗi bụi 05 cây/màu (Đỏ → Trắng, hồng → cam → Tím huế); chiều cao cây $\geq 0,8$ m; đường kính gốc $\geq 1,0$ cm; đường kính tán ≥ 40 cm; có $\geq 3-5$ cành chính khỏe; bầu cây $\geq 20 \times 20$ cm; cây sinh trưởng	Cây	10			

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)*(5)	(7)
	khỏe, lá xanh tốt, không sâu bệnh, không dập gãy, đúng màu hoa, bầu cây nguyên vẹn.					
13	Trồng Hoa giấy xen Hoa sữa khu vực giữa 02 quạt khói					
13.1	Đào hố trồng cây 500x500x500 mm (dài×rộng×sâu)	Hố	30			Gồm cả đất màu trộn trấu hoặc sơ dừa kèm theo
13.2	Cây Hoa giấy giống trồng tạo bụi cảnh quan, phối 05 màu; số lượng 10 cây (02 bụi, mỗi bụi 05 cây/màu (Đỏ→Trắng, hồng → cam → Tím huế); chiều cao cây ≥ 0,8 m; đường kính gốc ≥ 1,0 cm; đường kính tán ≥ 40 cm; có ≥ 3–5 cành chính khỏe; bầu cây ≥ 20×20 cm; cây sinh trưởng khỏe, lá xanh tốt, không sâu bệnh, không dập gãy, đúng màu hoa, bầu cây nguyên vẹn.	Cây	30			
14	Trồng Hoa giấy xen Hoa sữa khu vực quạt khói tổ máy số 02					
14.1	Đào hố trồng cây 500x500x500 mm	Hố	20			Gồm cả đất màu

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)*(5)	(7)
	(dài×rộng×sâu)					trộn trấu hoặc sơ dừa kèm theo
14.2	Cây Hoa giấy giống trồng tạo bụi cảnh quan, phối 05 màu; số lượng 10 cây (02 bụi, mỗi bụi 05 cây/màu (Đỏ→Trắng, hồng → cam → Tím huế); chiều cao cây $\geq 0,8$ m; đường kính gốc $\geq 1,0$ cm; đường kính tán ≥ 40 cm; có $\geq 3-5$ cành chính khỏe; bầu cây $\geq 20 \times 20$ cm; cây sinh trưởng khỏe, lá xanh tốt, không sâu bệnh, không dập gãy, đúng màu hoa, bầu cây nguyên vẹn.	Cây	20			
15	Vườn cây khu vực phân xưởng sửa chữa (28m×6m) đối diện quạt khói 02 tổ máy					
15.1	San sửa mặt bằng và trồng thảm cỏ lá tre diện tích khoảng 168m ² ; san phẳng, tạo mặt bằng và độ dốc thoát nước phù hợp; loại bỏ rác, tạp vật, cỏ dại; bổ sung lớp đất màu dày 10–15 cm; cung cấp và trồng cỏ lá tre giống khỏe mạnh, xanh tốt, không sâu bệnh,	m ²	168			

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)*(5)	(7)
	trồng phân bố đồng đều, bảo đảm thảm cỏ sinh trưởng và phủ kín mặt bằng sau khi trồng; thực hiện tưới nước, chăm sóc sau trồng.					
16	Vườn Hoa (16mx15m) của khu vực Phân xưởng sửa chữa đối diện phía sau kho vật tư					
16.1	Đào hố trồng cây 500x500x500 mm (dài×rộng×sâu)	Hố	40			Gồm cả đất màu trộn trấu hoặc sơ dừa kèm theo
16.2	Cây Hoa giấy giống trồng tạo bụi cảnh quan, phôi 05 màu; số lượng 10 cây (02 bụi, mỗi bụi 05 cây/màu (Đỏ→Trắng, hồng → cam → Tím huế); chiều cao cây $\geq 0,8$ m; đường kính gốc $\geq 1,0$ cm; đường kính tán ≥ 40 cm; có $\geq 3-5$ cành chính khỏe; bầu cây $\geq 20 \times 20$ cm; cây sinh trưởng khỏe, lá xanh tốt, không sâu bệnh, không dập gãy, đúng màu hoa, bầu cây nguyên vẹn.	Cây	40			
16.3	Đào hố trồng cây 1000x1000x1000	Hố	5			Gồm cả đất màu

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)*(5)	(7)
	mm (dài×rộng×sâu)					trộn trấu hoặc sơ dừa kèm theo
16.4	Cây Kèn Hồng giống trồng đất, chiều cao $\geq 3,0$ m; đường kính gốc 8-10 cm; đường kính tán $\geq 1,2$ m; đường kính bầu ≥ 50 cm, chiều cao bầu ≥ 50 cm; cây thân thẳng, có ngọn chính, tán cân đối, sinh trưởng khỏe, lá xanh tốt, không sâu bệnh, không dập gãy, bầu cây nguyên vẹn.	Cây	5			
16.5	San sửa mặt bằng và trồng thảm cỏ lá tre diện tích khoảng 240 m ² ; san phẳng, tạo mặt bằng và độ dốc thoát nước phù hợp; loại bỏ rác, tạp vật, cỏ dại; bổ sung lớp đất màu dày 10–15 cm; cung cấp và trồng cỏ lá tre giống khỏe mạnh, xanh tốt, không sâu bệnh, trồng phân bố đồng đều, bảo đảm thảm cỏ sinh trưởng và phủ kín mặt bằng sau khi trồng; thực hiện tưới nước, chăm sóc sau trồng.	m ²	240			
II	Dịch vụ					

[illegible]